

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
H. HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HS-ST**

Ngày 18-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Gạt

Ông Lê Duy Cửu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. NGUYỄN THÀNH L**, sinh ngày 05/8/1998; tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H (s) và Nguyễn Thị H (s); gia đình có 04 người con bị cáo là con thứ ba; có vợ Trịnh Thị Tr và 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 11/10/2018, bị TAND huyện H ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng;

- Ngày 18/9/2019, bị TAND huyện H ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng.

Về nhân thân:

- Ngày 22/9/2016, bị Công an xã H, huyện H xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Ngày 27/6/2017, bị UBND xã H, huyện H ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2020, chuyển tạm giam từ ngày 06/01/2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**2. NGUYỄN THỊ KIỀU O**, sinh ngày 16/10/1998; tại Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ 82, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (s) và Trần Thị Phương L (s); gia đình có 01 người con bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có chồng Nguyễn Đức Thanh T và 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Hùng C**, sinh năm 1992; trú tại: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Ông **Phan Duy L**, sinh năm 2001; trú tại: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3. Ông **Lê Thanh V**, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Trung S, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Hương Ph, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

5. Bà **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 58, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 28/12/2020, trong lúc tuần tra an ninh tại khu vực thôn An Ngãi Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, lực lượng Công an huyện H đã dừng xe kiểm tra hành chính đối với Nguyễn Thành L, phát hiện và thu giữ trên người của L 01 gói ni lông bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, theo L khai nhận là chất ma túy dùng để bán cho người nghiện tại khu vực này nhưng chưa kịp bán nên Công an huyện H đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tang vật tạm giữ khi bắt quả tang gồm: 01 gói ni lông bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu A; 01 xe mô tô biển kiểm soát 43F1-....; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, gắn sim số 0763.669883.

Trên cơ sở bắt quả tang, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thành L tại phòng trọ số 205 trên đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ: 03 gói ni lông bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu A1; 01 cân tiểu ly; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen không có thẻ sim; 01 ống hút nhựa; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám, không có thẻ sim; 02 kéo bằng kim loại sắt; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Theo kết luận giám định số: 12 ngày 04/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng thì chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A và A1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu tinh thể A là 0,143 gam; khối lượng mẫu tinh thể A1 là 3,999 gam.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kiều O là những người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp, vào đầu tháng 11/2020, L và O cùng thuê phòng trọ tại thôn An Ngãi Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và sống chung với nhau như vợ chồng. Trong quá trình chung sống tại đây thì L đã hoạt động mua bán trái phép chất ma túy cho người nghiện để kiếm tiền chi trả cuộc sống sinh hoạt cho bản thân L và O. Đến giữa tháng 11/2020 thì O biết rõ được việc L hoạt động mua bán trái phép chất ma túy nên đã đồng tình giúp sức cho L nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho người khác để kiếm tiền chi trả tiền thuê trọ và chi trả mọi chi phí cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của L và O. Đến giữa tháng 12/2020, L và O chuyển đến thuê phòng trọ số 205 khu thuê trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng, sống chung với nhau tại đây và tiếp tục hoạt động mua bán trái phép chất ma túy.

Cách thức mua bán ma túy của L và O là L đi mua ma túy của một người tên Đ (*Hiện chưa xác định được nhân thân và lai lịch cụ thể*) ở khu vực N thuộc quận L, thành phố Đà Nẵng đem về phòng trọ rồi phân chia ra thành nhiều gói nhỏ bán cho người nghiện để kiếm lời, người nghiện có thể đến phòng trọ của L và O trực tiếp mua ma túy hoặc có thể gọi đến số điện thoại 0763.669883 của L để hỏi mua ma túy và hẹn giao dịch mua bán ma túy ở địa điểm khác, khi đi bán ma túy bên ngoài nhà trọ có lúc thì L đi một mình, có lúc thì L chở O theo. Những lúc người nghiện gọi điện thoại đến hỏi mua ma túy thì có khi L nghe, có khi O nghe rồi báo lại cho L. Trong khoảng thời gian trong tháng 12/2020, L và O đã bán ma túy cho các đối tượng Nguyễn Hùng C 02 lần, bán cho Phan Duy L 02 lần, bán cho Lê Thanh V 04 lần và bán cho Nguyễn Thanh Ph 03 lần. Cụ thể như sau:

**1. Bán ma túy cho Phan Duy L:**

**Lần 1:** Vào đầu tháng 12/2020, bán cho L 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng tại phòng trọ của L và O ở thôn An Ngãi Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 2:** Cách lần 1 khoảng 05 ngày bán cho L 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng tại khu vực gần phòng trọ của L và O ở thôn An Ngãi Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bán ma túy cho Nguyễn Hùng C:

**Lần 1:** Vào giữa tháng 12/2020, bán 01 gói ma túy cho C với giá 300.000 đồng tại phòng trọ số 205 khu nhà trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 2:** Cách lần thứ nhất khoảng 02 ngày, bán cho C 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng tại phòng trọ số 205 khu nhà trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng

3. Bán ma túy cho Lê Thanh V:

**Lần 1:** Tối ngày 25/12/2020, bán cho V 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng tại phòng trọ số 206 khu nhà trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 2:** Chiều ngày 26/12/2020, bán 01 gói ma túy cho V với giá 300.000 đồng tại phòng trọ số 206 khu nhà trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 3:** Tối ngày 27/12/2020, bán 01 gói ma túy cho V với giá 200.000 đồng tại phòng trọ số 206 khu nhà trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 4:** Sáng ngày 28/12/2020, trong lúc V và bạn gái của mình là Nguyễn Lê Phương Th đang ở tại phòng trọ 206 thì có một người bạn của V tên Q (*Hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể*) đến chơi, V gọi điện thoại cho L hỏi mua ma túy nhưng do L đang ngủ nên V nhờ Th liên hệ với O hỏi mua ma túy, sau khi nghe điện thoại thì O gọi L dậy để L đưa cho O 01 gói ma túy, sau đó O đem gói ma túy này sang phòng trọ số 206 bán cho V với giá 300.000 đồng để V, Th và Q sử dụng. Khi O về lại phòng trọ được một lúc thì V đem 300.000 đồng qua đưa cho Th, Th đưa lại số tiền này cho L.

4. Bán ma túy cho Lê Thanh Ph:

**Lần 1:** Vào giữa tháng 12/2020, bán cho Ph 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng tại phòng trọ số 205 khu nhà trọ Zone 1991 thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 2:** Ngày 23/12/2020, bán cho Ph 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng tại khu vực thuộc thôn An Ngãi Đ, xã H, thành phố Đà Nẵng.

**Lần 3:** Vào tối ngày 28/12/2020, Ph dùng số điện thoại 0934.843906 gọi đến số điện thoại 0763.669883 của L hỏi mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng thì L đồng ý bán

và hẹn giao dịch với Ph tại khu vực trước tiệm cầm đồ B ở thôn An Ngải Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, đến 19 giờ 40 phút cùng ngày, khi L vừa đem gói ma túy đến điểm hẹn nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSNDHV ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kiều O về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 11 năm đến 12 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm n, r, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành L từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;
- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều O hiện đang mang thai, không có nghề nghiệp và đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên không phạt bổ sung.

Đối với hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của hai bị cáo, Viện kiểm sát sẽ có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tang vật, vật chứng và tiền án phí.

Bị cáo Nguyễn Thành L nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện tại bị cáo đang mang thai và có con nhỏ nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật

tổ tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang. Có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kiều O là những người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp, để có ma túy sử dụng và có tiền chi trả cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cả 02, trong khoảng thời gian tháng 12/2020, L và O đã 11 lần bán ma túy cho các đối tượng Phan Duy L, Nguyễn Hùng C, Lê Thanh V và Lê Thanh Ph tại các khu vực thuộc thôn An Ngãi Đ, xã H, huyện H và khu vực thuộc phường Hòa Khánh B, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong đó, lần bán ma túy thứ 11 cho Lê Thanh Ph vào tối ngày 28/12/2020 tại khu vực thuộc thôn An Ngãi Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Tang vật thu giữ là 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,143 gam. Trên cơ sở bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L và O và tiếp tục thu giữ 03 gói ma túy, loại Methamphetamine có tổng khối lượng là 3,999 gam. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kiều O đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Mặc dầu, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, thể hiện xuyên suốt quá trình phạm tội giữa bị cáo L và bị cáo O không có sự câu kết, phân công vai trò phạm tội cụ thể. Tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất chuyên nghiệp, các bị cáo là những đối tượng không có nghề nghiệp, lấy việc mua bán trái phép chất ma túy cho các con nghiện làm nguồn sống chính và đã bán trái phép chất ma túy cho các con nghiện 11 lần để thu lợi bất chính nhằm tiêu xài cá nhân. Trong đó vai trò phạm tội của bị cáo L cao hơn bị cáo O, thể hiện ở chỗ bị cáo L là người trực tiếp bỏ tiền ra mua ma túy, mỗi lần từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng rồi phân ra thành nhiều gói nhỏ, cất giấu tại phòng thuê trọ và bán lại cho các con nghiện với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng 01 gói để hưởng chênh lệch. Đối với bị cáo O cũng là người không có việc làm, sống phụ thuộc vào số tiền có được từ việc bị cáo L mua bán trái phép ma túy, biết rõ bị cáo L mua bán trái phép chất ma túy và đã giúp sức cho bị cáo L bán ma túy cho các con nghiện 11 lần. Động cơ phạm tội của các bị cáo nhằm thu lợi bất chính để có tiền trang trải cuộc sống và có tiền mua ma túy để sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy là một trong những khách thể quan trọng được Bộ luật hình

sự bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý, các bị cáo là những người khỏe mạnh nhưng không chịu chí thú làm ăn mà ngược lại có lối sống buông thả, thái độ bất chấp coi thường pháp luật. Trong vụ án này, vai trò phạm tội của bị cáo L là cao hơn bị cáo O, bản thân bị cáo L có nhiều tiền sự và nhân thân nhiều lần bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc cũng như bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy khi lượng hình cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh, bị cáo L phải chịu mức án cao hơn bị cáo O mới tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra. Có như vậy các bị cáo mới thấy hết được lỗi lầm của mình có hướng sửa chữa để trở thành công dân tốt.

Song khi lượng hình cũng cần xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo tự thú khai ra những lần mua bán trái phép trước đó chưa bị phát hiện quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo O hiện nay đang mang thai nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Đối với đối tượng tên Đ là người đã bán ma túy cho Nguyễn Thành L, hiện chưa xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào xác định được sẽ xử lý sau là phù hợp nên không xét.

Đối với các đối tượng Nguyễn Hùng C, Phạm Duy L và Nguyễn Thanh Ph là những người đã mua ma túy của L và O về sử dụng, tuy nhiên qua làm việc với các đối tượng này, Cơ quan điều tra đã tiến hành thử test nhưng kết quả âm tính nên không có cơ sở để xử lý nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với Lê Thanh V là người mua ma túy của L và O về sử dụng, qua thử test cho kết quả dương tính với chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an xã H, huyện H lập hồ sơ đưa vào diện quản lý giáo dục tại xã theo Nghị định 111/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên quá trình điều tra, V đã bỏ đi khỏi địa phương nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Đối với đối tượng tên Q, khi V và Th mua ma túy của L và O thì Q cũng có mặt tại phòng trọ của V và cùng V, Th sử dụng ma túy, hiện chưa xác định được lai lịch, khi nào xác định được sẽ làm rõ xử lý sau là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Nguyễn Lê Phương Th là người đã giúp V liên hệ mua ma túy của O và L về sử dụng, qua thử test cho kết quả dương tính với chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an phường Hòa Thuận T, quận H xử lý bằng biện pháp đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở xã hội Bầu B, thành phố Đà Nẵng là đúng pháp luật.

Đối với số điện thoại 0763.669883 và 0934.843906, Cơ quan điều tra đã ra lệnh thu giữ điện tín nhưng đến nay chưa có kết quả, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau nên không xem xét.

Đối với hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của hai bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm Viện kiểm sát nhân dân huyện H sẽ có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập tại bản án này.

**[4] Về xử lý vật chứng:**

Đối với 3,683 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định, 01 cân tiểu ly, 01 ống hút nhựa, 02 kéo bằng kim loại sắt, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, xét thấy đây là tang vật của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 gắn sim số 0763.669883, xét đây là công cụ phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám không có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen không có thẻ sim không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L. Tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ 02 điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô hiệu Lead, biển kiểm soát 43F1-...: Qua điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của chị Lê Thị Ngọc H, chị H cho L mượn chiếc xe này để đi lại, việc L sử dụng chiếc xe này vào việc phạm tội thì chị H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là có cơ sở nên không xét.

**[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:**

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 11 năm đến 12 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm n, r, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành L từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều O hiện đang mang thai, không có nghề nghiệp và đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên không phạt bổ sung.

Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thành L, số tiền 2.800.000 đồng từ việc bán ma túy cho các con nghiện mà có.

Hội đồng xét xử xét thấy các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng pháp luật và phù hợp nên chấp nhận.

**[6] Về án phí:** Bị cáo L và bị cáo O phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Kiều O phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L **11**(Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 28/12/2020.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm n, r, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O **08**(Tám) năm **06**(Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 BLHS.

- Tuyên phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành L 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

**II. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 3,683 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định, 01 cân tiểu ly, 01 ống hút nhựa, 02 kéo bằng kim loại sắt, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước điện thoại di động hiệu Iphone 6 gắn sim số 0763.669883 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám;

Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu xám không có thẻ sim, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen không có thẻ sim. Tuy nhiên cần tiếp tục quy trừ 02 điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10/5/2021).

Truy thu số tiền thu lợi bất chính 2.800.000 đồng của Nguyễn Thành L để sung quỹ nhà nước.

**III. Về án phí:** Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thành L, bị cáo Nguyễn Thị Kiều O phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**IV. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- Công an huyện H;
- VKSND huyện H
- CCTHADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Đức Thọ**